

ẢNH HƯỞNG CỦA TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO TRONG NHÂN CÁCH HỒ CHÍ MINH

Phạm Thanh Hằng^(*)

^(*) Tiến sĩ, Viện Tôn giáo và tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: thanhhanghh2015@gmail.com

Nhận ngày 30 tháng 12 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 1 năm 2021.

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, là biểu tượng sáng ngời của nhân cách cao đẹp, là kết tinh những giá trị nhân văn sâu sắc của truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã để lại cho chúng ta một hệ thống di sản tư tưởng vô cùng phong phú và quý giá, trong đó nổi rõ những hạt nhân giá trị cốt lõi của tư tưởng Phật giáo. Bài viết tập trung phân tích, làm rõ ảnh hưởng của triết lý Phật giáo trong nhân cách Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Triết lý Phật giáo, nhân cách, Hồ Chí Minh.

Triết lý của Phật giáo chính là một trong những mạch nguồn văn hóa quan trọng góp phần hình thành nên tư tưởng nhân văn sâu sắc của Hồ Chí Minh. Người đã tiếp thu những hạt nhân hợp lý trong triết thuyết của nhà Phật, hun đúc nó thành ngọn lửa của tình đoàn kết, đức nhân ái và lòng yêu nước. Nhân cách Hồ Chí Minh gặp gỡ triết lý Phật giáo đã tạo nên sự kết hợp giữa “tốt đời” với “đẹp đạo”. Trên thực tế dấu ấn tư tưởng Phật giáo dường như thấm đượm từ lời nói đến hành động, việc làm của Người.

Sinh thời, từ rất sớm chủ tịch Hồ Chí Minh đã được tiếp thu những giá trị tư tưởng của Phật giáo ngay chính trong gia đình mình. Nhận thức, tình cảm, sự tôn

trọng các vị cao tăng Phật giáo trong truyền thống gia đình mà trực tiếp nhất là từ cụ thân sinh Nguyễn Sinh Sắc đã thấm sâu vào tâm hồn, trí tuệ Hồ Chí Minh. Từ đó, dần tích lũy, hình thành ở Người đức từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, cứu khổ cứu nạn,... và sau này Người đã phát triển nó dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng nó lên một tầm cao mới, phù hợp với đời sống hiện thực của thời đại mới. Trên thực tế, rất nhiều tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng được nhận thấy trong giáo lý của Phật giáo.

Tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh trong sự liên hệ với lịch sử của Phật giáo, như một sự ngẫu nhiên nhưng lại hết sức hợp lý, có thể thấy nhiều

điểm khá trùng hợp. Đây dường như là sự gặp gỡ của những tư tưởng lớn trên cùng một mục đích, tôn chỉ.

Cách đây khoảng hơn 2500 năm, hình tượng bông sen được chọn là biểu tượng của Phật giáo, với ý nghĩa là sự tự mình vươn lên giải thoát mình ra khỏi lớp bùn đen của nghiệp quả, của những làn nước đục tha hóa đầy rẫy tham, sân, si để tiếp thu khí trời thanh tịnh, tỏa hương thơm mát cho đời. Triết lý nhân sinh ẩn chứa thật sâu sắc trong hình tượng bông sen, phản ánh giáo lý của Phật giáo - đó là đại từ, đại bi, vô ngã vị tha, tinh tiến, thiên định, trí huệ, giác ngộ và giải thoát. Không phải ngẫu nhiên, kinh điển Phật giáo Đại Thừa ghi rằng Đức Phật khi mới sinh ra đã bước trên bảy đài sen. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, quê hương Làng Sen chính là nơi sinh ra Người, hình tượng bông sen sau này trở thành biểu trưng thiêng liêng cho cốt cách cao đẹp của Người.

Mặc dù, sinh ra ở những thời đại khác nhau, nhưng cả Đức Phật và Hồ Chí Minh đều hướng tới một đích, đó là xây dựng một cuộc đời thiện mỹ, không còn áp bức, bất công, không còn khổ đau, bất hạnh.

Trong bối cảnh xã hội rối ren, đầy bất công và nạn phân biệt đẳng cấp, Đức Phật đã từ bỏ tiền tài, địa vị, danh vọng ở chốn hoàng cung xa hoa để trở thành người xuất gia tìm đạo, mang khát vọng giải phóng chúng sinh ra khỏi cảnh khổ đau. Đức Phật nói: “Ta không muốn sống trong

cung vàng điện ngọc, Ta không muốn sống trong cảnh vương giả trị vì thiên hạ, hưởng cuộc đời sung sướng cao sang trên mồ hôi nước mắt của lê dân. Ta không muốn sống trong xã hội bất công mà Ta đã chứng kiến. Ta quyết định ra đi, dù phải xông pha trên gió bụi lao lung, Ta cố tìm ra mỗi đạo giải thoát cho nhân loại muôn loài”¹. Đức Phật dạy các đệ tử rằng: “Này các Tỷ kheo! Hãy tu hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho chư Thiên và loài người” (Tương Ưng Bộ kinh).

Đến Hồ Chí Minh, Người sinh ra trong bối cảnh nước nhà lâm than, bị thực dân đô hộ, mất tự do và chủ quyền dân tộc. Người đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, hy sinh quên mình để giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, đem lại hòa bình, ấm no cho nhân dân. Khi trả lời phỏng vấn của các nhà báo nước ngoài vào năm 1946, Hồ Chí Minh khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”². Chính xuất phát từ ham muốn tột bậc và khát vọng cháy bỏng ấy đã thôi thúc người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm

¹ Thích Diệu Niệm (1991), *Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn gũi với tư tưởng Phật giáo*, Nội san Nghiên cứu Phật giáo số 1, Hà Nội, tr.33.

² Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.161.

đường cứu nước từ hai bàn tay trắng, bốn ba năm châu bốn bể, vượt qua biết bao gian khổ, chịu cảnh nằm gai nếm mật, tù đầy khổ ải nhưng vẫn chan chứa niềm tin và tinh thần lạc quan về lý tưởng thiêng liêng và tương lai tươi sáng cho cả dân tộc. Nhân cách Hồ Chí Minh, nói theo cách nói của Phật giáo, chính là sự “kết tinh bằng từ bi, trí tuệ, dũng mãnh, hướng dẫn chúng sinh đạt tới mục đích giác ngộ và giải thoát, chuyển cội Sa bà này thành cội tịnh độ và cuộc đời cơ cực này thành nếp sống cực lạc”³.

Sự hy sinh cao cả của Hồ Chí Minh được ví như “Bồ Tát”, “vị La Hán” bởi Người đã quên mình cho tất thảy. Cuộc đời và sự nghiệp của Người tựa “như đóa sen giữa rừng hoa dân tộc Việt Nam, hội tụ đức tài của đất nước”⁴. Ở đây, rõ ràng có sự hội tụ trong tư tưởng cao đẹp của Phật giáo với đạo đức, nhân cách Hồ Chí Minh, về hình thức, phương pháp có thể khác nhau nhưng bản chất là như nhau.

Những giá trị cốt lõi trong giáo lý Phật giáo được thâm thấu qua lăng kính Hồ Chí Minh, trở thành những tư tưởng đặc sắc có giá trị triết lý nhân văn sâu sắc, trong đó chủ yếu bao gồm những nội dung như sau:

Một là, khát vọng công bằng, bình đẳng, tự do trong xã hội.

Phật giáo với tư cách một triết thuyết về sự giải phóng, giải thoát con người ra khỏi bể khổ của cuộc đời, *một mặt*, phản đối mạnh mẽ sự kỳ thị, phân biệt đẳng cấp trong xã hội; *mặt khác*, đề cao những

nội dung tư tưởng về sự công bằng, bình đẳng và hướng thiện. Đương thời, Đức Phật đã đúc kết quy luật của xã hội trong một câu nói nổi tiếng, vượt thời gian: “Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn. Mỗi người khi mới sinh không phải có sẵn dấu tin-ca trên trán, không đeo sẵn dây chuyền trên cổ”⁵. Điều này có nghĩa là, trong đạo lý giải thoát không có sự phân biệt đẳng cấp và chủng tính. Trong con mắt của người giác ngộ, tất cả chúng sinh đều bình đẳng bởi máu ai cũng đỏ, nước mắt ai cũng mặn. Ở đây, không chỉ có lòng nhân ái, mà còn có cả sự tôn trọng, bình đẳng để yêu thương vô bờ bến.

Thấm đượm tư tưởng này, Hồ Chí Minh cho rằng, “tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng... Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁶. Người luôn quan tâm đến con người và giải phóng con người, nhấn mạnh những giá trị phổ quát của “tự do, bình đẳng và bác ái”, coi đó là mục đích, lý tưởng cao nhất trong quá trình hoạt động cách mạng. Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước

³ Thích Đức Nghiệp (1995), *Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam, trong Đạo Phật Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.318.

⁴ *Báo Nhân dân*, số ra ngày 22-1-1997.

⁵ Dẫn theo: Lê Cung, *Góp thêm những tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo*, <https://giacngo.vn>.

⁶ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã tuyên bố với thế giới rằng: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc...”. Người đã trực tiếp bốn ba sang các nước phương Tây để kiểm nghiệm và tham khảo giá trị của “tự do, bình đẳng, bác ái”. Người đã đến với chủ nghĩa cộng sản, vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin để đưa những người nô lệ vượt qua bóng tối của gông cùm, xiềng xích, đến với ánh sáng của tự do. Thấm nhuần lý tưởng “cứu khổ cứu nạn” và lòng “từ bi hỷ xả” của Phật giáo, Người đã đưa dân tộc Việt Nam đến bến bờ của độc lập, tự do, ấm no và hạnh phúc.

Hai là, tinh thần vô ngã, vị tha, hy sinh quên mình cho chúng sinh, nhân loại.

Trong giáo lý Phật giáo, Vô ngã là một trong Tam pháp ấn (Vô thường, Vô ngã, Niết Bàn). Vô ngã quán (hay Giới phân biệt quán) là pháp quán giúp con người xả bỏ chấp ngã để dần đạt tới cảnh giới Niết Bàn an lạc, hạnh phúc. Thực hành theo đúng triết lý của Vô ngã sẽ đưa chúng sinh thoát khỏi bể khổ mê lầm để đến được bến bờ an vui và giải thoát. Đây là một trong những giáo lý căn bản nhất của Phật giáo đã được Đức Phật thuyết giảng cho các đệ tử sau khi Ngài giảng thuyết Tứ diệu đế.

Trên thực tế, bản thân cuộc đời của Đức Phật cũng đã vượt ra khỏi Tự Ngã.

Ngài sẵn sàng rời bỏ cung vàng điện ngọc để trở thành một tu sĩ hành khất, đi tìm chân lý của cuộc đời và giúp chúng sinh thoát khỏi bể khổ luân hồi sinh, lão, bệnh, tử. Còn các vị Bồ Tát là những người đã tu đủ hạnh nguyện, chỉ cần tiến thêm một bước là có thể đạt tới quả vị Phật nhưng đã tình nguyện ở lại thế gian để cứu độ chúng sinh. Các vị Bồ Tát xem nỗi khổ đau của chúng sinh như nỗi khổ đau của chính mình và tự thề nguyện khi nào nỗi khổ đau của chúng sinh chưa dứt thì chưa thể thành Phật. Ngài Địa Tạng Bồ Tát nguyện: “Chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề, Địa ngục vị không thệ bất thành Phật”⁷.

Chân lý cao cả vô ngã, vị tha, hy sinh quên mình cho chúng sinh trong triết lý Phật giáo đã tác động mạnh mẽ đến nhân cách Hồ Chí Minh. Trọn cuộc đời mình, Người luôn đau đáu, trăn trở một tâm niệm: “Độc lập cho Tổ quốc tôi, độc lập cho đồng bào tôi, đó là tất cả những gì tôi muốn, đó là tất cả những gì tôi hiểu”⁸. Với lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến, Người đã đấu tranh không mệt mỏi, hy sinh quên mình để cống hiến cho công cuộc giành độc lập, tự do của dân tộc. Trong bài nói chuyện với đồng bào trước

⁷ Tạm giải nghĩa là: Chúng sinh độ hết mới chứng đạo Bồ đề, Địa ngục nếu còn thì không thành Phật. Dẫn theo: Lê Cung, *Góp thêm những tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo*, <https://giacngo.vn>.

⁸ Chủ tịch Hồ Chí Minh - một tấm gương trọn đời vì dân, vì nước, <http://baodongkhoei.vn>.

khi sang thăm Pháp ngày 30-5-1946, Hồ Chí Minh nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù đầy, xông pha sự hiểm nghèo, là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhần nhục cố gắng - cũng vì mục đích đó...”. Tấm gương trọn đời vì nước, vì dân, đức hy sinh quên mình của Chủ tịch Hồ Chí Minh được nuôi dưỡng từ triết lý sống cao cả, nhân văn của truyền thống dân tộc và một phần không nhỏ là từ giáo lý Phật giáo.

Ba là, tư tưởng từ bi, hỷ xả.

Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) là phương châm tu tập của Phật giáo nhằm giúp con người hoàn thiện nhân cách, hướng họ theo con đường thánh thiện, thoát ra khỏi tâm tham lam vô hạn, tâm sân hận vô cùng và tâm mê muội bất tận của chính con người. Trong các pháp về tâm, tứ vô lượng tâm khá nổi bật, được Đức Phật nhắc đến rất nhiều. Tứ vô lượng tâm đặc biệt có giá trị trong giải quyết ổn thỏa mối quan hệ giữa các cá nhân, các tổ chức và các quốc gia với nhau; giúp nhân loại tránh khỏi hận thù, chiến tranh, xung đột, xây dựng một thế giới hòa bình, hòa hợp, an yên và phát triển.

Ý nghĩa sâu xa của tứ vô lượng tâm đó chính là đạo lý sống lương thiện, nhường nhịn, chịu đựng, yêu người như

chính mình, không làm điều xấu, điều ác, trái với lương tâm. *Từ* là làm cho người khác được hưởng sung sướng, an lạc, chú tâm làm điều thiện, cứu giúp mọi người. *Bi* là làm cho người khác hết đau khổ, phiền não. Đức Phật khuyên dạy Phật tử rằng, thờ ơ trước nỗi đau của người khác là đánh mất tinh thần cứu thế của Phật giáo. “Chừng nào còn có sinh linh đau khổ thì không thể có niềm vui nào cho những ai mang trái tim nhân ái”. *Hỷ* là vui vẻ, không ganh tị, hiềm khích trước hạnh phúc, thành tựu của người khác. *Xả* là thanh thản, không bức tức, nóng giận, phiền não, biết buông bỏ những ham muốn tầm thường. Làm được điều đó, con người sẽ luôn cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thoát, an vui. Pháp hành *Tứ vô lượng tâm* chính là tài sản vô giá mà Đức Phật để lại cho nhân loại. Nếu ai cũng thấm nhuần tinh thần của Tứ vô lượng tâm, chắc chắn cuộc sống sẽ trở nên nhân ái, bao dung và chan hòa hơn, tránh được sự ích kỷ, cố chấp, tránh được nhiều việc làm tội lỗi và những điều sai trái.

Điều quan trọng hơn, Đức Phật còn dạy rằng, “lấy ân trả oán, tăng ân giảm oán” hay “lấy đức báo oán, oán ấy tiêu tan”, còn “lấy oán trả oán, oán oán chất chồng”. Do vậy, cần phải lấy cái tâm từ bi để cảm hóa người khác, dùng lòng nhân nại, khoan dung và nhân ái để vượt lên trên sân hận, lấy thiện thắng ác, lấy đức trung thực thắng sự giả dối. Với lòng

nhẫn nhịn và khoan dung, đao thương sẽ biến thành gắm vóc, thù hận sẽ tiêu tan, sóng gió sẽ phẳng lặng. Ngược lại, nếu không biết nhẫn nhịn, không biết bình tĩnh hóa giải thì chuyện nhỏ cũng thành lớn, tất cả đều tổn thương và kết cục sẽ rất khôn lường.

Hiểu thấu tư tưởng “từ, bi, hỷ xả” của Phật giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trải rộng tình yêu thương bao la đối với mọi người, không phân biệt đẳng cấp, tôn giáo, địa vị xã hội...

Ngay cả đối với kẻ thù, Hồ Chí Minh cũng không ghét bỏ, hãm hại, mà tìm cách cảm hóa, thu phục nhân tâm. Người đã không ngần ngại cởi ngay tấm áo đang mặc khoác lên người một tù binh Pháp khi nhìn thấy anh ta bị thương và rét run lên vì gió lạnh. Hàng nghìn tù binh Pháp trong trận Điện Biên Phủ ngạc nhiên đến sững sờ và vô cùng cảm phục trước hành động ấy. Hồ Chí Minh cũng nhiều lần chủ động gặp gỡ, viết tâm thư gửi Tổng thống, lãnh đạo cao cấp, tướng lĩnh, binh sĩ và tù binh hai nước Pháp, Mỹ kêu gọi lòng thiện cảm, ứng xử văn hóa, không hằn thù, oán hận, mong muốn các dân tộc cùng hưởng độc lập, tự do và bình đẳng, giúp đỡ nhau trao đổi kinh tế, văn hóa... như những người anh em⁹.

Bốn là, tư tưởng đoàn kết, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân.

Nhằm xây dựng một đời sống cộng đồng hòa hợp, giáo lý Phật giáo đưa ra pháp tu “lục hòa” (sáu pháp hòa hợp)

bao gồm: Thân hòa đồng trú (ăn ở hòa trong cùng một tập thể), khẩu hòa vô tranh (nói năng hòa, không tranh cãi), giới hòa đồng tu (tu hành hòa, giữ chung một kỷ luật), lợi hòa đồng quân (quyền lợi hòa, có gì chia đều nhau cùng hưởng), ý hòa đồng duyệt (ý kiến hòa, không trái ý nhau), kiến hòa đồng giải (giải bày hòa, hiểu biết và thông cảm lẫn nhau). Thực hiện pháp tu “lục hòa” sẽ giúp xây dựng một tập thể đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ nhau cùng phát triển, kiến tạo một môi trường chia sẻ, giải quyết vướng mắc trên tinh thần đóng góp, hòa hợp. Đây là cơ sở để gia đình được yên ấm, hạnh phúc, quốc gia được hùng cường, thịnh vượng, thế giới được hòa bình, hợp tác và phát triển.

Kế thừa tinh thần của pháp tu “lục hòa”, Hồ Chí Minh nhấn mạnh “đoàn kết là sức mạnh”, “đoàn kết là thắng lợi”; “đoàn kết là then chốt của thành công”; “đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”. Người khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”¹⁰. Cùng với phát huy tinh thần đại đoàn kết trong toàn dân, không phân biệt già trẻ, trai gái, giai cấp, tôn giáo, dân tộc, khuynh hướng chính trị,... Người còn chỉ rõ, đại đoàn

⁹ *Minh triết Hồ Chí Minh với Phật giáo*, <http://quehuonline.vn>.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.119.

kết dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc nhằm hướng tới mục tiêu đấu tranh cho thống nhất, độc lập của Tổ quốc và xây dựng nước nhà. Người kêu gọi: “Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”¹¹, bởi tất cả chúng ta đều là “con Rồng cháu Tiên”. Người nói: “Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ, chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước, Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyết đến mức nào, đặng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại”¹².

Để đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng trong xã hội, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh cho rằng cần phải biết “cầu đồng tồn dị”, tìm đến cái chung, khuyến khích điểm tương đồng nhưng vẫn giữ cái riêng, chấp nhận sự khác biệt; lấy điểm tương đồng để khắc chế, thu hẹp dần khoảng cách của sự khác biệt. Người nhấn mạnh cái chung bất biến cũng là lý tưởng cao nhất, ngọn cờ đoàn kết của cả dân tộc, đó là độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; là tự do, dân chủ và bình đẳng. Chính nhờ nêu cao mẫu số chung ấy, Người đã quy tụ được sức mạnh và khát vọng cháy bỏng của mọi người dân Việt Nam chiến đấu với tinh thần “Tổ quốc

trên hết” trong mọi hoàn cảnh, mọi thời điểm. Tất cả các tầng lớp nhân dân, từ công nhân, nông dân đến trí thức đều hợp thành một khối thống nhất chặt chẽ để làm nên thắng lợi to lớn và vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ngay cả đối với những người trước đây từng lầm đường, lạc lối nhưng biết ăn năn hối cải, quay trở về con đường chính nghĩa, Hồ Chí Minh cũng sẵn sàng giang tay đón nhận, tha thứ, tập hợp họ trong khối đại đoàn kết chung của cả dân tộc. Quan điểm của Người là bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ.

Trong giải quyết mối quan hệ giữa các tôn giáo, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh điểm tương đồng về những giá trị chân, thiện, mỹ và khía cạnh nhân bản mà các tôn giáo đều hướng tới. Người nói: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái; Phật Thích ca dạy: Đạo đức là từ bi; Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”¹³. Theo Người, về bản chất, các tôn giáo đều ẩn chứa những chuẩn mực đạo đức và giá trị nhân văn sâu sắc, cần trân trọng và phát huy điểm chung ấy, khắc phục dần những khác biệt để khích lệ các tôn giáo phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng chung. Người

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.9, tr.244.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.5, tr.178-179.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.7, tr.95.

kêu gọi, phải đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc. Đồng bào lương giáo đều là con dân Việt Nam, cách mạng là sự nghiệp chung, cho nên cần đồng lòng, đồng sức, cả nước một lòng thì “nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi trong công cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất Tổ quốc và xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”¹⁴.

Cùng với tư tưởng đoàn kết, điểm sáng nổi bật ở Hồ Chí Minh là tư tưởng gần dân, thương dân, gần bó mật thiết với dân. Phật giáo luôn chủ trương “Dĩ chúng tâm vi kì tâm”, tức là lấy tâm chúng sinh làm tâm của mình. Đối với Phật giáo, con người luôn được đề cao, con người giữ vị trí cao hơn tất cả. Kế thừa tư tưởng này của Phật giáo, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”¹⁵. Và, “trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹⁶.

Đánh giá cao vai trò của mọi tầng lớp nhân dân, Hồ Chí Minh luôn thương dân, gần dân và trọng dân. Mặc dù là lãnh tụ của dân tộc, người đứng đầu Chính phủ, song Người luôn đặt mình ở vị trí là công bộc của dân. Người nhận thức rõ trách nhiệm lo cho dân, mưu cầu hạnh phúc cho mọi người, làm sao để cho ai cũng có cơm ăn, áo mặc, có chỗ ở, được học hành, có điều kiện khám chữa bệnh, chăm sóc sức

khỏe. Người quan niệm, cán bộ là công bộc của dân; do đó, Đảng và Chính phủ phải đặt lợi ích của dân lên trên hết, việc gì có lợi cho dân thì làm, việc gì có hại cho dân thì cần hết sức tránh. Đây là mục tiêu hoạt động cao nhất của Đảng và Chính phủ.

Năm là, không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Trong giáo lý Phật giáo, nguyên nhân chính dẫn tới mọi khổ đau của con người là *Tam độc* (tham, sân, si). Đây là ba điều độc ác đem đến sự khổ cho con người. Để giải thoát con người khỏi khổ đau, con người phải thực hành tu tập để tận diệt được tham, sân, si. Con đường tu tập mà Đức Phật chỉ ra là con đường tu theo Tam học (giới, định, tuệ).

Hồ Chí Minh luôn khẳng định, đạo đức là gốc của cách mạng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng; phải trung với nước, hiếu với dân; phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Nội hàm của những khái niệm này chịu ảnh hưởng không nhỏ từ tư tưởng Phật giáo mà Người tiếp thu trong cuộc đời mình.

Giáo lý Phật giáo đặc biệt nhấn mạnh chữ “chính” trong *Bát chính đạo*¹⁷. Đây

¹⁴ Dẫn theo: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng và đoàn kết tôn giáo*, <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2002), *Sđd.*, t.12, tr.212.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.10, tr.453.

¹⁷ Chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định, chính kiến, chính tư duy.

được coi là tám con đường chân chính giúp con người đạt được hiệu quả trong thực tiễn tu hành. Chữ “chính” xuyên suốt từ suy nghĩ, lời nói cho đến hành động, việc làm. Đích đến của “chính” là loại bỏ cái tà, cái ác để hướng tới cái ngay thẳng, đạt tới chân lý và sự giác ngộ. Với Hồ Chí Minh, “chính” là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn, “cần, kiệm, liêm” là gốc rễ của “chính”. Muốn thực hành tốt đức “chính”, mỗi người cần tu dưỡng, rèn luyện bền bỉ ngay chính trong tâm mình bởi ai cũng có cái tâm trong sáng; đó là cơ sở hết sức quan trọng để xây dựng một xã hội văn minh, tốt đẹp. Người nói: “Muốn cải tạo thế giới và cải tạo xã hội thì trước hết con người phải cải tạo bản thân” và nhấn mạnh: “Chúng ta phải nhớ câu “chính tâm tu thân” để “trị quốc, bình thiên hạ”¹⁸.

Hồ Chí Minh cũng luôn khẳng định: “Đức Phật dạy tín đồ, con người thông hiểu, tu hành từ muôn vàn giáo lý, đặt kết đọng hướng tới sống theo đức hạnh cao nhất: “Hãy gấp làm điều thiện, ngăn tâm làm điều ác”¹⁹. Theo đó, “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” chính là tiêu chuẩn đạo đức cách mạng cao nhất của con người. Người luôn răn dạy cán bộ rằng, đạo đức cách mạng hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa cá nhân, cán bộ phải là công bộc, là đầy tớ của nhân dân, phải “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”. Suốt cuộc đời mình, ngay cả khi là Chủ tịch nước, Người luôn là tấm gương mẫu

mực trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, nhân cách cá nhân.

Qua những phân tích trên, có thể thấy, triết lý Phật giáo là một trong những cội nguồn văn hóa ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành tư tưởng nhân văn, nhân ái của Hồ Chí Minh. Không phải ngẫu nhiên mà Hòa thượng Kim Cương Tử nhận xét: Hồ Chí Minh, tinh hoa dân tộc, Người là kết tinh mọi truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, trong đó có truyền thống Phật giáo. Cả chặng đường sự nghiệp của Hồ Chí Minh luôn gắn bó mật thiết với Phật giáo, ở Người luôn tỏa sáng những tư tưởng cao đẹp của Phật giáo. Trên cơ sở nắm vững và hiểu thấu đáo triết lý của Phật giáo, Người đã kế thừa và cách mạng hóa, nâng tầm những hạt nhân hợp lý của nó lên thành những giá trị tinh túy nhất của văn hóa nhân loại. Đến với Phật giáo, Hồ Chí Minh như đến với những giá trị chân - thiện - mỹ, đến với tư tưởng “từ, bi, hỷ, xả”, cứu khổ, cứu nạn, mưu cầu hạnh phúc cho con người và sự bình an cho xã hội. Mặt khác, trong sự liên kết với lòng yêu nước, yêu nhân loại, hy sinh quên mình cho tự do, bình đẳng, bác ái của Hồ Chí Minh, triết thuyết của Phật giáo cũng trở nên cao cả hơn, gần gũi hơn với truyền thống lịch sử của dân tộc. □

¹⁸ Dẫn theo: *Nét tinh hoa Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, <https://phatgiai.org.vn>.

¹⁹ Lê Cường, *Minh triết Hồ Chí Minh với Phật giáo*, <http://quehuongonline.vn>.